TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2022/QĐST- DS	*Thái Nguyên, ngày 04 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 21/ TLST-DS ngày 23/02/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q

- ***Người đại diện theo pháp luật:*** ông Lê Hữu Đ - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 LVL, phường T, quận CG, Thành phố Hà Nội;

- **Pháp nhân đại diện theo ủy quyền:** Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Tầng 8, số 3 LG, phường LG, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

- ***Người đại diện theo pháp luật:*** Ông Phạm Văn P - Chức vụ: Tổng giám đốc

- ***Người đại diện theo ủy quyền:*** Ông Nguyễn Tiến D – Chuyên viên thu hồi nợ.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1989.

Ông ĐàoTuấn A1, sinh năm 1981.

HKTT và chỗ ở hiện tại: Tổ 03 (VT), phường ĐB, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Về nghĩa vụ thanh toán: Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Đào Tuấn A1 sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q là 1.313.235.534 đồng *(Một tỷ ba trăm mười ba triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm ba tư đồng),* trong đó nợ gốc là: 1.164.083.037 đồng, lãi trong hạn 135.641.950 đồng, lãi quá hạn 13.510.511 đồng tạm tính đến ngày 25/4/2025 theo Hợp đồng cho vay số 888223.19.090.5221102.TD ngày 24/6/2019, Khế ước nhận nợ số LD1917593879 ngày 24/6/2019, Khế ước số LD1917904844 ngày 28/6/2019; Hợp đồng cho vay số 893695.19.090.5221102.TD ngày 05/7/2019 và khế ước nhận nợ số LD81919319213 ngày 12/7/2019

Phương thức thanh toán: theo kỳ

Kỳ thứ nhất: Chậm nhất vào ngày 30/5/2022, bà Lan A và ông Tuấn A1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Kỳ thứ hai: Chậm nhất vào ngày 30/6/2022, bà Lan A và ông Tuấn A1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Kỳ thứ ba: Chậm nhất vào ngày 30/7/2022, bà Lan A và ông Tuấn A1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Kỳ thứ tư: Chậm nhất vào ngày 30/8/2022, bà Lan A và ông Tuấn A1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Kỳ thứ năm: Chậm nhất vào ngày 30/9/2022, bà Lan Avà ông Tuấn A1có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Kỳ thứ sáu: Chậm nhất vào ngày 30/10/2022, bà Lan A và ông Tuấn A1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Kỳ thứ bảy: Chậm nhất vào ngày 30/11/2022, bà Lan A và ông Tuấn A1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Kỳ thứ tám: Chậm nhất vào ngày 30/12/2022, bà Lan A và ông Tuấn A1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Kỳ thứ chín: Chậm nhất vào ngày 30/01/2023, bà Lan A và ông Tuấn A1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Kỳ thứ mười: Chậm nhất vào ngày 28/02/2023, bà Lan A và ông Tuấn A1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Kỳ thứ mười một: Chậm nhất vào ngày 30/3/2023, bà Lan A và ông Tuấn A1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);

Kỳ thứ mười hai: Chậm nhất vào ngày 30/4/2023, bà Lan A và ông Tuấn A1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q 213.235.534 đồng *(Hai trăm mười ba triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi tư đồng);*

Kể từ ngày 26/4/2022, bà Lan Anh, ông Tuấn A1còn phải tiếp tục chịu khoản lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 888223.19.090.5221102.TD ngày 24/6/2019, Khế ước nhận nợ số LD1917593879 ngày 24/6/2019, Khế ước số LD1917904844 ngày 28/6/2019; Hợp đồng cho vay số 893695.19.090.5221102.TD ngày 05/7/2019 và khế ước nhận nợ số LD81919319213 ngày 12/7/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2.2. Trong trường hợp bà Lan A và ông Tuấn A1 không trả được nợ theo thỏa thuận thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1142; tờ bản đồ số 17; diện tích 112,3 m^2 *(loại đất ở)* và thửa đất số 437; tờ bản đồ số 17, diện tích 187,1 m^2 *(loại đất ở 145,7 m^2, đất trồng cây lâu năm 41,4m^2)*, địa chỉ: phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật. *(Theo Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 736617 do UBND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 07/4/2011 cho ông Đào Tuấn A1 và bà Nguyễn Thị Lan A và Giấy CNQSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 319149 do UBND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 31/8/2015 cho bà Nguyễn Thị L. Ngày 14/6/2019 đã tặng cho toàn bộ diện tích đất trên GCN cho bà Nguyễn Thị Lan A)* theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 888232.19.090.5221102.BĐ ngày 24/6/2019 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 11/7/2019.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp xong mà chưa đủ thanh toán khoản nợ trên tại Ngân hàng bà Phương phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Vị trí thửa đất

Phía Bắc giáp đường giao thông, vị trí từ 1-2-3-4 =12,76m;

Phía nam vị trí từ điểm 6-7-8 =12,43m giáp đường giao thông;

Phía đông vị trí từ điểm 4-5-6=20,84m giáp đường giao thông;

Phía tây vị trí từ điểm 8-9-10-11-12-1 = 23,86m, giáp thửa 436

Tài sản trên đất gồm có: Một nhà cấp 4, diện tích xây dựng 171,8m^2 bê tông cốt thép, bổ trụ, tường xây gạch chỉ 20 x 20, cửa chính và các cửa sổ bằng gỗ. Nhà có hàng rào bao quanh đất. Nhà xây dựng năm 2018 do bà Lan A và ông Tuấn A1 xây dựng.

(Kèm theo trích đo hiện trạng quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Hà Nguyên Châu)

2.3. Chi phí tố tụng khác: Tổng chi phí thẩm định tài sản là 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng).* Bà Lan A và ông Tuấn A1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền chi phí thẩm định tài sản đã tạm ứng là 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng).*

2.4. Án phí: Bà Nguyễn Thị Lan A và ông Đào Tuấn A1 nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước là 25.698.500 đồng (*Hai mươi năm triệu sáu trăm chín tám nghìn năm trăm đồng*). Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Q 28.820.000 đồng (*Hai mươi tám triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0000966 ngày 23/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân